**Week 26: from 02/03/ 2020 to 06/03/2020**

# UNIT 12: LET’S EAT!

**Section A: What shall we eat? Period 3: A3,4**

**1/ New words:**

* slice (v) ⭢ sliced
* boil (v) ⭢ boiled
* add (v) ⭢ added
* taste (v) ⭢ tasted
* heat (v) ⭢ heated
* stir- fry (v) ⭢ stir- fried
* set (v) ⭢ set
* green pepper (n)
* salt (n)
* pan (n)
* soy sauce (n)
* dish (n)
* plate (n)
* chopstick (n)
* spoon (n)

**2/ Grammar points:**

1. **Review: PAST SIMPLE TENSE**

|  |
| --- |
| **S + V2/ed** |

**Ex:** My mom cooked dinner yesterday.

**3/ Exercises:**

**a/ Read the text again then decide whether these statement are TRUE or FALSE**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STATEMENTS** | **TRUE** | **FALSE** |
| 1. Hoa cooked dinner yesterday. |  |  |
| 2. She cooked rice first. |  |  |
| 3. She boiled some green peppers. |  |  |
| 4. Hoa set the table before the family all sat down to eat. |  |  |

**b/ Choose the suitable verbs from the text to fill in the blank**

1. *Slice* the beef.
2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ the green peppers and onions.
3. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ the pan.
4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ the beef.
5. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ some soy sauce to the dish.
6. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ rice.
7. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ salt to the spinach.

**c/ Match the steps above to the right pictures in your book**

**d/ Write about your meals yesterday**

Yesterday, I ate \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and drank \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

For breakfast, I had \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

For lunch, I had \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

For dinner, I had \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

GVBM yêu cầu các em:

- Viết bài vào tập bài học ( từ vựng, ngữ pháp, và bài tập)

- Tìm nghĩa của từ vựng mới, ghi bên cạnh.

- Các em đọc lại bài hội thoại Unit 12 – B1, làm bài tập a, b, c, d

**GVBM sẽ kiểm tra tập, và dạy lại bài sau khi các em đi học lại.**